

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG - TP.HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2020

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lại Nguyệt Ánh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Dương Thị Thắm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Chi
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Quang Đạo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Hà - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 99/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 2 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:106/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/04.9.2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T - sinh năm: 1979

HKTT: số X, quận H, Hà Nội.

(có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Ông Trần Đình T1 – Luật sư văn phòng luật sư K.

(có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Phạm Thanh B – sinh năm: 1977

HKTT và trú tại: số H, phường V, quận T, Hà Nội

(xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Phạm Thanh B lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu nhau, trước đó chưa ai có vợ có chồng.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, không có sự chia sẻ, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không được cải thiện. Trên thực tế vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nguyện vọng của chị xin được ly hôn.

**Về con:* vợ chồng có 02 con chung là con gái: Phạm Quỳnh C – sinh ngày: 14/5/2004, Phạm Quỳnh A – sinh ngày: 18/2/2008, cả hai con chung sức khỏe B thường. Nguyện vọng của chị được nuôi cả hai con. Chị có công việc và thu nhập ổn định. Hiện chị đang làm kinh doanh cho người nước ngoài thuê trên khu vực phố cổ thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

**Về nhà ở chung:* ngày 21.5.2020 chị T gửi đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung là hai bất động sản gồm:

1. Một phần diện tích nhà đất thuộc thửa đất số L, tờ bản đồ số G tại số T ngách V, quận Đ, Hà Nội.

2. Nhà đất tại số III phường V, quận Đ, Hà Nội

Ngày 05/8/2020 chị T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung để chị và anh B tự thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

**Về động sản, công nợ:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, anh B không đến Tòa án làm việc cũng không có bản tự khai gửi Tòa án. Ngày 30/6/2020 Tòa án nhận được văn bản anh Phạm Thanh B gửi với tiêu đề đơn xin gia hạn. Trong đó anh B xin được nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ và thuê luật sư từ ngày 30/6/2020 đến ngày 15/7/2020. Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ anh B sau thời gian đó nhưng anh B vẫn không lên Tòa án làm việc. Ngày 04/9/2020 Tòa án nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của anh B.

Tại phiên tòa,

Chị Nguyễn Thị Thanh T vẫn cương quyết xin ly hôn và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nhà ở, công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T nhất trí với phần trình bày của chị T và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị

Thanh T đối với anh Phạm Thanh B. Giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc để đảm bảo quyền lợi cũng như nguyện vọng của các cháu. Về tài sản, nhà ở và công nợ chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các trình tự, thủ tục tố tụng pháp luật quy định.

Căn cứ vào nội dung vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Phạm Thanh B.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Phạm Quỳnh C và cháu Phạm Quỳnh A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh B.

Anh B được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản, nhà ở chung và công nợ: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Qua xác minh bị đơn anh Phạm Thanh B hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ tại số VI, phường V, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt đương sự: Ngày 04/9/2020 Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1 do anh B vắng mặt. Cùng ngày Tòa án nhận được văn bản xin vắng mặt tại phiên tòa của anh Phạm Thanh B. Do đó, tại phiên tòa hôm nay anh B vắng mặt Tòa án vẫn tiến hành xét xử B thường theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phạm Thanh B lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hàng Trống vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện có tình cảm yêu thương nhau.

Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ quan tâm chăm sóc lẫn nhau

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương cung cấp: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phạm Thanh B chung sống tại số X ngõ Y, quận H, Hà Nội có xảy ra mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nguyên nhân do vấn đề tình cảm và nhiều lý do khác mà hai vợ chồng không trình bày cụ thể cho địa phương biết. Do mâu thuẫn nên anh Phạm Thanh B đã chuyển về sống tại nhà bố mẹ đẻ tại quận Hai Bà Trưng khoảng hai năm nay. Hiện chỉ có chị T và hai con gái sống tại số X ngõ Y Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của bà Trần Thị G là mẹ đẻ anh B: bà G cho biết anh B và chị T đã mâu thuẫn từ lâu nguyên nhân do bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng nên anh B đã chuyển về sống cùng vợ chồng bà từ năm 2018 cho đến nay.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc, các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nhưng chị T và anh B đều vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19, Điều 21, Điều 22 Luật hôn nhân gia đình dẫn đến hôn nhân của chị T và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung: : Phạm Quỳnh C – sinh ngày: 14/5/2004, Phạm Quỳnh A – sinh ngày: 18/2/2008, cả hai con chung sức khỏe bình thường.

Chị T làm kinh doanh cho người nước ngoài thuê thu nhập B quân 15.000.000 đồng/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập chứng cứ như sau:

Biên bản làm việc tại phường Cửa Đông thể hiện: Hiện nay chị T và hai con gái sống tại số X ngõ Y Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Biên bản xác minh tại Trường THCS Hoàn Kiếm: Cháu Quỳnh A là học sinh giỏi, hoàn toàn phát triển tâm sinh lý bình thường theo đúng độ tuổi. Quá trình học tập tại trường việc đưa đón đều do chị T thực hiện. Mọi việc liên quan đến cháu như học phụ huynh, đóng học phí hay có bất cứ vấn đề gì cần liên hệ đều là mẹ cháu.

Biên bản làm việc với bà Trần Thị G là mẹ đẻ anh B cho biết: Anh B là lao động tự do, anh thường đi làm từ sáng sớm đến tối mới về, trưa có về ăn cơm. Anh B thu

nhập đủ để nuôi ba bố con, có ông bà nội trợ cấp thêm. Ông bà nội và anh B cũng có nguyện vọng nuôi cháu Quỳnh A và Quỳnh C.

Nguyện vọng của cháu Quỳnh A và Quỳnh C đều muốn ở cùng nhau và muốn ở với mẹ.

Xét về điều kiện vật chất cả hai anh chị đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh gia đình cũng như nguyện vọng của các con chung Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác để đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh B cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Ngày 05/8/2020 chị T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung để chị và anh B tự thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút đơn khởi kiện bổ sung của chị T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền khởi kiện chia tài sản sau ly hôn khi có yêu cầu.

Ngoài ra, hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản đã nộp 56.100.000 đồng căn cứ quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “án phí và lệ phí Tòa án” và khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 217 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273– Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273; Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T đối với anh Phạm Thanh B. Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Phạm Thanh B

2. Về con chung: Giao chị T (mẹ đẻ) trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Quỳnh C – sinh ngày: 14/5/2004 và Phạm Quỳnh A – sinh ngày: 18/2/2008 kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh B cho đến khi chị T yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quỳnh A và Quỳnh C.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị T. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 3321 ngày 13 tháng 2 năm 2020 tại chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả lại chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.100.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 3558 ngày 21/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Hai Bà Trưng
- Thị hành án dân sự Q.Hai Bà Trưng
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- Lưu hồ sơ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA